

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **206/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/9/2022

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Ông Nguyễn Việt Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 272/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Hàn Quốc.

3. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt. (Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 24 tháng 11 năm 2007 tại UBND xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Đầu năm 2008, anh N đi lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu

sống xa nhau, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, tuy nhiên được khoảng 05 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chưa được tìm hiểu kỹ nên vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cãi nhau, vợ chồng sống xa cách nên không thể chia sẻ với nhau. Mỗi khi liên lạc về, anh N không hỏi thăm, quan tâm vợ con mà thường xuyên mắng chửi chị T khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do đó, chị T đã xin phép mẹ chồng về nhà ngoại ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh N khi biết tin cũng không quan tâm đến chị T mà đã chủ động cắt đứt liên lạc. Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị T ly hôn với anh Nguyễn Văn N để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh N1, sinh ngày 08/10/2007 và cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 04/6/2009. Hiện nay, cháu L và cháu N1 đang ở cùng chị T và ông bà ngoại. Bản thân chị T hiện nay cũng có nơi cư trú và việc làm ổn định có đủ khả năng để nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Đề nghị Tòa án giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Văn K là bố đẻ của anh Nguyễn Văn N. Tại các biên bản lấy lời khai, ông K trình bày: Anh N và chị T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn năm 2007 tại UBND xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, anh N đang lao động tại Hàn Quốc. Anh N đã được ông thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án. Anh N xác định chị T có đơn xin ly hôn với anh thì anh N nhất trí đồng ý để vợ chồng sớm ổn định cuộc sống riêng. Do anh N không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Hàn Quốc và bản thân ông K cũng không nắm được nên ông không thể cung cấp cho Tòa án. Về con chung, chị T và anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh N1, sinh ngày 08/10/2007 và cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 04/6/2009 đang ở cùng chị T. Anh N đồng ý giao cho chị T nuôi con chung do anh N đang lao động ở nước ngoài không đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 17740/QLXNC-P5 ngày 24/8/2022 thể hiện: Anh Nguyễn Văn N, sinh ngày 19/02/1988, có thông tin xuất cảnh ngày 02/3/2012 bằng hộ chiếu số B2090441 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, chị T, anh N, ông K đều vắng mặt (chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị T và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị Vũ Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn N; về con chung, giao cháu Nguyễn Thị Khánh N1, sinh ngày 08/10/2007 và cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 04/6/2009 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn N, là người Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 24 tháng 11 năm 2007 tại UBND xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn được một thời gian thì năm 2008, anh N đi lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu sống xa nhau, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, tuy nhiên được khoảng 05 tháng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa nhau, mỗi người ở một nước, ít khi gặp nhau nên vợ chồng không thể chia sẻ dẫn đến cãi nhau. Đồng thời, mỗi khi liên lạc về, anh N không hỏi thăm, quan tâm vợ con mà thường xuyên mắng chửi chị T. Chị T cũng như gia đình đã cố hàn gắn, khuyên nhủ nhưng anh N không đồng ý và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. HĐXX xét thấy, hôn nhân của chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mỗi người ở một nước khác nhau, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T ly hôn với anh N là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị T và Anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh N1, sinh ngày 08/10/2007 và cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 04/6/2009. Hiện nay, cháu L và cháu N1 đang ở cùng chị T và ông bà ngoại. Do cháu L và cháu N1 vẫn còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của mẹ. Bản thân chị T hiện nay cũng có nơi cư trú và việc làm ổn định có đủ khả năng để nuôi dưỡng chăm sóc cháu đầy đủ. Do đó, chị T đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ. Bản thân chị T có chỗ ăn ở, có sức lao động nên đủ điều kiện nuôi con. Anh N đang lao động tại Hàn Quốc, chưa thể về nước. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên việc giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này, anh N có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi quyền nuôi con theo quy định. Do chị T tự nguyện tạm thời chưa yêu cầu anh N cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung, sau này chị T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị T và anh N không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T. Xử cho chị Vũ Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh N1, sinh ngày 08/10/2007 và cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 04/6/2009 từ tháng 9/2022 đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền khởi kiện yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số [AA/2021/0001085 ngày 29/6/2022](#). Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã G, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn